

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN GÒ VẤP
TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ VĂN THỌ

LUYỆN TỪ VÀ CÂU 4

MỞ RỘNG VỐN TỪ

TRUNG THỰC – TỰ TRỌNG



MỤC TIÊU BÀI HỌC



Mở rộng vốn từ
thuộc chủ điểm:
Trung thực - Tự trọng



Sử dụng từ để đặt
câu, chuyển thành
vốn từ tích cực.



Chọn từ thích hợp cho trong ngoặc đơn để điền vào chỗ chấm trong đoạn văn sau:

Ai cũng khen bạn Minh, lớp trưởng lớp em, là con ngoan trò giỏi. Minh phụ giúp bố mẹ nhiều việc nhà, nhưng luôn luôn đi học đúng giờ, làm bài đầy đủ, chưa bao giờ để ai phiền trách điều gì. Cô chủ nhiệm lớp em thường bảo: “Minh là một học sinh có lòng Là học sinh giỏi nhất trường nhưng Minh không..... Minh giúp đỡ các bạn học kém rất nhiệt tình và có kết quả, khiến các bạn hay mặc cảm, nhất cũng dần dần thấy hơn vì học hành tiến bộ. Khi phê bình, nhắc nhở những bạn mắc khuyết điểm, Minh có cách góp ý rất chân tình, nên không làm bạn nào Lớp 4A chúng em rất về bạn Minh.

(Từ để chọn: tự tin, tự ti, tự trọng, tự kiêu, tự hào, tự ái)



GIẢI NGHĨA TỪ



tự tin

tin vào bản
thân mình



tự ti

tự đánh giá
mình thấp
kém và thiếu
tự tin



tự trọng

coi trọng và
giữ gìn phẩm
giá của mình

GIẢI NGHĨA TỪ



tự kiêu

tự cho mình
hơn người và tỏ
ra coi thường
người khác



tự hào

lấy làm hài
lòng, hãnh
diện về cái tốt
đẹp mình có



tự ái

khó chịu khi cảm
thấy bị đánh giá
thấp hoặc bị coi
thường



Chọn từ thích hợp cho trong ngoặc đơn để điền vào chỗ chấm trong đoạn văn sau:

Ai cũng khen bạn Minh, lớp trưởng lớp em, là con ngoan trò giỏi. Minh phụ giúp bố mẹ nhiều việc nhà, nhưng luôn luôn đi học đúng giờ, làm bài đầy đủ, chưa bao giờ để ai phiền trách điều gì. Cô chủ nhiệm lớp em thường bảo: “Minh là một học sinh có lòng Là học sinh giỏi nhất trường nhưng Minh không..... Minh giúp đỡ các bạn học kém rất nhiệt tình và có kết quả, khiến các bạn hay mặc cảm, nhất cũng dần dần thấy hơn vì học hành tiến bộ. Khi phê bình, nhắc nhở những bạn mắc khuyết điểm, Minh có cách góp ý rất chân tình, nên không làm bạn nào Lớp 4A chúng em rất về bạn Minh.

*(Từ để chọn: **tự tin**, **tự ti**, **tự trọng**, **tự kiêu**, **tự hào**, **tự ái**)*





Chọn từ ứng với mỗi nghĩa sau:

NGHĨA

TỪ

Một lòng một dạ gắn bó với lý tưởng,
tổ chức hay với người nào đó.

trung thành

Trước sau như một, không gì
lay chuyển nổi.

trung hậu

Một lòng một dạ vì việc nghĩa.

trung kiên

Ăn ở nhân hậu, thành thật,
trước sau như một.

trung thực

Ngay thẳng, thật thà.

trung nghĩa





Xếp các từ ghép dưới đây thành hai nhóm dựa theo nghĩa của tiếng **“trung”**

trung bình, trung thành, trung nghĩa,
trung thực, trung thu, trung hậu,
trung kiên, trung tâm



Trung có nghĩa là
“ở giữa”



Trung có nghĩa là
“một lòng một dạ”



3



Trung có nghĩa là “**ở** giữa”

trung thu

trung bình

trung tâm





Trung có nghĩa là “**một lòng một dạ**”



01 trung thành

02 trung nghĩa

03 trung kiên

04 trung thực





Đặt câu với một từ đã cho trong bài tập 3

Anh của em rất
trung thực.

Mẹ em rất
trung hậu.

Trường em nằm ngay
trung tâm thành phố.

trung
thành

trung
thực

trung
hậu

trung
tâm

trung
kiên

trung
thu

Loài chó rất trung
thành với chủ.

Các chú bộ đội rất
trung kiên.

Em rất thích rước
đèn trung thu.



01

Hoàn thành tất cả
các bài tập.

02

Tập sử dụng
các từ học được.

04

Xem trước bài:
Cách viết tên người,
tên địa lý Việt Nam.

03

Rèn luyện bản thân
trở thành người
trung thực, tự trọng.



Goodbye

